

Bản án số: **161/2024/DS-ST**

Ngày: 07 - 10 - 2024.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 196/2024/QĐST- DS ngày 25 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở chính: L, Phường M, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện cho Ngân hàng A: Ông Phạm Quang T – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Giao dịch Bình Đại - Chi nhánh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 163/QĐ-DAB- HĐQT-PC ngày 08/8/2022 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng A. (Ông Tuyên có mặt)

Địa chỉ: Đường K, Khu phố B, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Cẩm G, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn **khởi kiện** ngày 27/10/2023; bản tự khai ngày 07/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do ông Phạm Quang T là người đại diện của Ngân hàng trình bày như sau:

Giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Bến Tre, Phòng giao dịch Bình Đại (gọi tắt Ngân hàng) và chị Trần Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00952562-0167559001T20031 ngày 11/06/2020:

- Số tiền vay: 20.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).
- Lãi suất: 12%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.
- Thời hạn vay: 18 tháng (từ 11/06/2020 đến 11/12/2021).
- Mục đích vay: Nuôi sò.
- Phương thức thanh toán: Gốc và lãi được bên vay trả góp thành 18 kỳ, số tiền góp mỗi kỳ: 1.320.000 đồng.

Trong quá trình vay, từ ngày 11/06/2020 đến ngày 31/12/2020, chị Trần Thị T trả góp được 05 kỳ gồm vốn và lãi với số tiền 6.662.310 đồng. Trong đó:

- Vốn: 4.915.790 đồng.
- Lãi trong hạn: 1.684.210 đồng.
- Lãi quá hạn: 62.310 đồng.

Do chị Trần Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 01/2021 cho đến nay, nên số tiền nợ tính đến ngày 07/10/2024 là: 25.976.241 đồng. Trong đó:

- Vốn: 15.084.210 đồng.
- Lãi trong hạn: 1.915.790 đồng.
- Lãi quá hạn: 8.976.241 đồng.

Vì vậy, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Chị Trần Thị T và chị Nguyễn Cẩm G liên đới trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu (gồm vốn và lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 07/10/2024 là: 25.976.241 đồng, gồm vốn: 15.084.210 đồng; lãi trong hạn: 1.915.790 đồng; lãi quá hạn: 8.976.241 đồng.

- Tính lãi phát sinh thêm sau ngày 07/10/2024 cho đến khi trả hoàn tất nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00952562-0167559001T20031 ngày 11/06/2020.

Tại phiên tòa: Ngân hàng xác định chỉ khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả nợ **không buộc liên đới với chị G**. Trường hợp chị T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu chị G thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị T toàn bộ số nợ vay nêu trên.

* Đối với chị Trần Thị T là bị đơn, chị Nguyễn Cẩm G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa

án triệu tập họp lệ nhưng chị T, chị G đều vắng mặt, mặc dù vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của các chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Cẩm G đã được Tòa án triệu **tập họp lệ** lần thứ hai để xét xử, nhưng chị T, chị G vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, chị G là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả tiền nợ vay tính đến ngày 07/10/2024 là 25.976.241 đồng, gồm vốn và lãi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Đơn xin xác nhận cư trú ngày 01/11/2023 và ngày 27/10/2023 của Ngân hàng, được Công an xã Thừa Đức xác nhận chị Trần Thị T và chị Nguyễn Cẩm G có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp Thừa Long, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

[4]. **Đối với các** tài liệu, chứng cứ do **nguyên đơn** giao nộp bổ sung tại phiên Tòa, nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại **Điều 254** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu chị Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ tính đến ngày **07/10/2024 là: 25.976.241 đồng, gồm vốn: 15.084.210 đồng; lãi trong hạn: 1.915.790 đồng; lãi quá hạn: 8.976.241 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh tiếp theo sau ngày 07/10/2024.**

Cơ sở chứng cứ:

+ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00952562-0167559001T20031 ngày 11/06/2020.

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/6/2020.

[5]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Căn cứ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00952562-0167559001T20031 ngày 11/06/2020 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/6/2020, thể hiện chị Trần Thị T có vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng; mục đích vay: Nuôi sò; Thời hạn cho vay: 18 tháng

(từ 11/06/2020 đến 11/12/2021). Gốc và lãi được bên vay trả góp thành 18 kỳ, số tiền góp mỗi kỳ: 1.320.000 đồng. Lãi suất: 12%/năm, lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng được 02 bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, chị T đã đồng ý ký tên xác nhận, đồng ý với các điều khoản của hợp đồng. Chị T đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp. Tuy nhiên, trong quá trình vay, từ ngày 11/06/2020 đến ngày 31/12/2020, chị Trần Thị T trả góp được 05 kỳ, gồm vốn và lãi với số tiền 6.662.310 đồng. Trong đó: Vốn: 4.915.790 đồng. Lãi trong hạn: 1.684.210 đồng. Lãi quá hạn: 62.310 đồng. Nhưng từ tháng 01/2021 cho đến nay, chị Trần Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên số tiền nợ tính đến ngày 07/10/2024 là: 25.976.241 đồng. Trong đó:

- Vốn: 15.084.210 đồng.
- Lãi trong hạn: 1.915.790 đồng.
- Lãi quá hạn: 8.976.241 đồng.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị T đã thực hiện hết quyền nhận tài sản nhưng không thanh toán nợ đầy đủ, gồm vốn và lãi khi đến hạn trả nợ, là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại **Điều 16** của Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Nên nay Ngân hàng yêu cầu chị T trả số tiền vay còn nợ lại tính đến ngày 07/10/2024 là: 25.976.241 đồng, là có căn cứ phù hợp với quy định **khoản 2 Điều 103** của Luật các Tổ chức **tín dụng năm 2024**; nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu tiếp tục **tính lãi** phát sinh, kể từ **ngày tiếp theo của ngày 07/10/2024** cho đến khi chị T trả hết nợ, theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 100** của Luật các Tổ chức **tín dụng năm 2024**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu buộc chị Nguyễn Cẩm G thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy đề nghị vay vốn thể hiện người bảo lãnh là chị Nguyễn Cẩm G, bên được bảo lãnh là chị Trần Thị T.

Phạm vi bảo lãnh: Chị G đồng ý bảo lãnh sẽ trả nợ thay cho chị T cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng.

Qua xem xét, thì việc bảo lãnh được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện; thực hiện đúng quy định, có đầy đủ chữ ký của chị G tại mục người bảo lãnh và chữ ký của chị T tại mục người vay, tại phần thứ IV là phần cam kết của người bảo lãnh có nội dung: Chị G đã đứng ra cam kết bảo lãnh cho chị T, trong trường hợp chị T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng, thì chị T **sẽ trả nợ thay cho** người vay là chị T cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng và có phần xác nhận của Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Thừa Đức.

Do vậy, khi chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay mà 02 bên đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng có quyền yêu cầu người bảo lãnh là chị G thực hiện

nghĩa vụ bảo lãnh của chị đối với bên được bảo lãnh là chị T theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết và phù hợp với quy định tại **khoản 2 Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên chị T phải có nghĩa vụ chịu án phí của số tiền 25.976.241 đồng là:

25.976.241 đồng x 5% = 1.298.812 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **khoản 2 Điều 103; khoản 2 Điều 100** của Luật các Tổ chức tín dụng năm **2024**;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; **Điều 254** của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với chị Trần Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

2. Buộc chị Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A (*do Ngân hàng A - Chi nhánh Bến Tre - Phòng Giao dịch Bình Đại đại diện nhận*) số tiền nợ vay tính đến ngày 07/10/2024 là 25.976.241 đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng). Trong đó:

- Vốn: 15.084.210 đồng (Mười lăm triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm mười đồng).

- Lãi trong hạn: 1.915.790 đồng (Một triệu, chín trăm mười lăm nghìn, bảy trăm chín mươi đồng).

- Lãi quá hạn: 8.976.241 đồng (Tám triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 07 tháng 10 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, chị Trần Thị T còn phải **có nghĩa vụ** chịu khoản tiền lãi **quá hạn** của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi **suất quá hạn các** bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị Trần Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị T **không thực hiện đúng và đầy đủ** nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á thì **buộc** chị Nguyễn Cẩm G **phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh** trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng theo thỏa thuận bảo lãnh trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 01/6/2020 đã được ký kết giữa các bên để đảm bảo thu hồi nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Chị Trần Thị T phải chịu là 1.298.812 đồng (Một triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm mười hai đồng).

5.2. Ngân hàng A (*do Ngân hàng A - Chi nhánh Bến Tre - Phòng Giao dịch Bình Đại đại diện nhận*) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 582.547 đồng (Năm trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền số 0005722 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Trần Thị T và chị Nguyễn Cẩm G vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

